



BÁO CÁO QUỐC GIA

Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong giáo dục ở Việt Nam



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



From
the People of Japan

TIESEA PROJECT



Hà Nội, 24 tháng Hai 2022

Nội dung



01 Cơ sở hạ tầng

Điện thoại, kết nối internet, thống kê người dùng | Thiết bị, phần cứng | Năng lượng, tiếp cận điện năng | TV, Radio

02 Chính phủ

Chính sách, kinh phí | Chương trình và nội dung học | Đo lường hiệu suất giáo dục | Tập huấn, đào tạo

03 Trường học/ giáo viên

Năng lực EdTech của giáo viên | Thiết bị và phần mềm | Quản trị | Tiếp cận cộng đồng

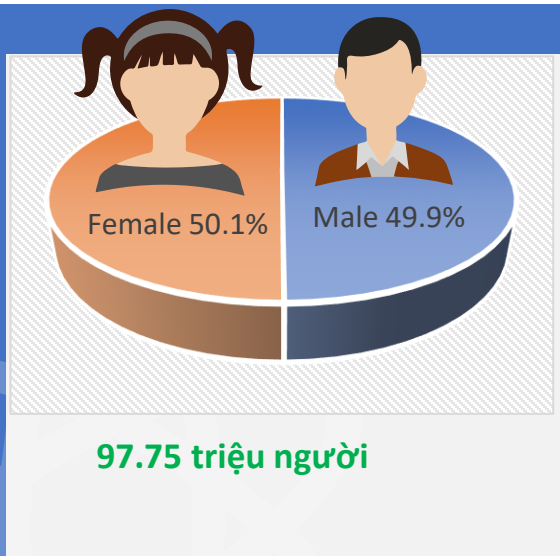
04 Học sinh/ phụ huynh

Trình độ số của học sinh | Kết nối và thiết bị tại nhà | Truy cập trực tuyến và các nội dung của chương trình học | Hỗ trợ từ cộng đồng

05 Nhà cung cấp

Hệ thống học tập điện tử | nội dung trực tuyến | Khả năng tích hợp, đổi mới công nghệ | Đối tác, nhà tài trợ

Tổng quan về Việt Nam



Tốc độ tăng trưởng Nền kinh tế kỹ thuật số: 38%

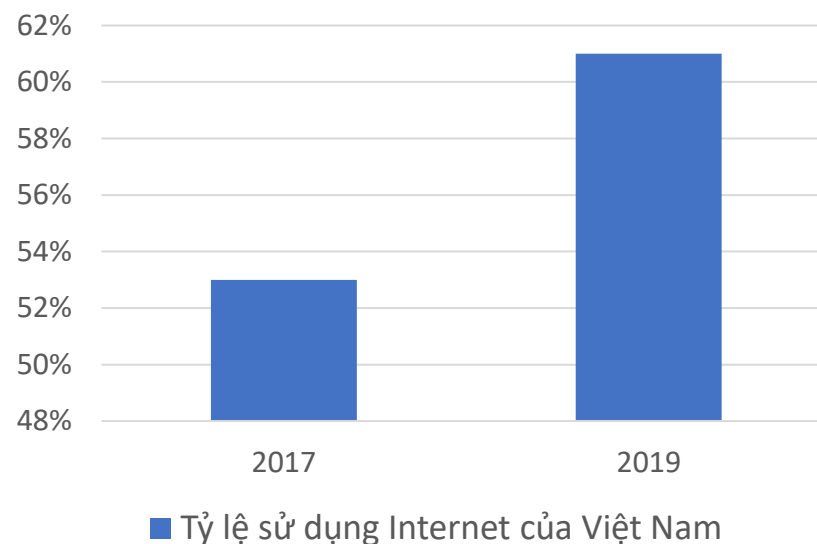
Nền kinh tế kỹ thuật số của Việt Nam (2019): **12 tỷ USD**

2016-2019: Chỉ số xã hội số tăng nhanh nhất

Xếp **thứ 5** thế giới về đà phát triển kỹ thuật số (2020 - DII).

Việt Nam có nhiều thuận lợi nhưng phát triển chưa đồng đều để có thể trở thành **cường quốc kỹ thuật số**

Thị trường giáo dục số Việt Nam



Tình trạng phát triển Hệ sinh thái EdTech ở Việt Nam

Chính phủ chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ công nghệ cao.

Sự khác biệt Bắc/Nam: truyền thống ở Miền Bắc | Năng động, đổi mới, thân thiện với doanh nghiệp và người dùng ở Miền Nam



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



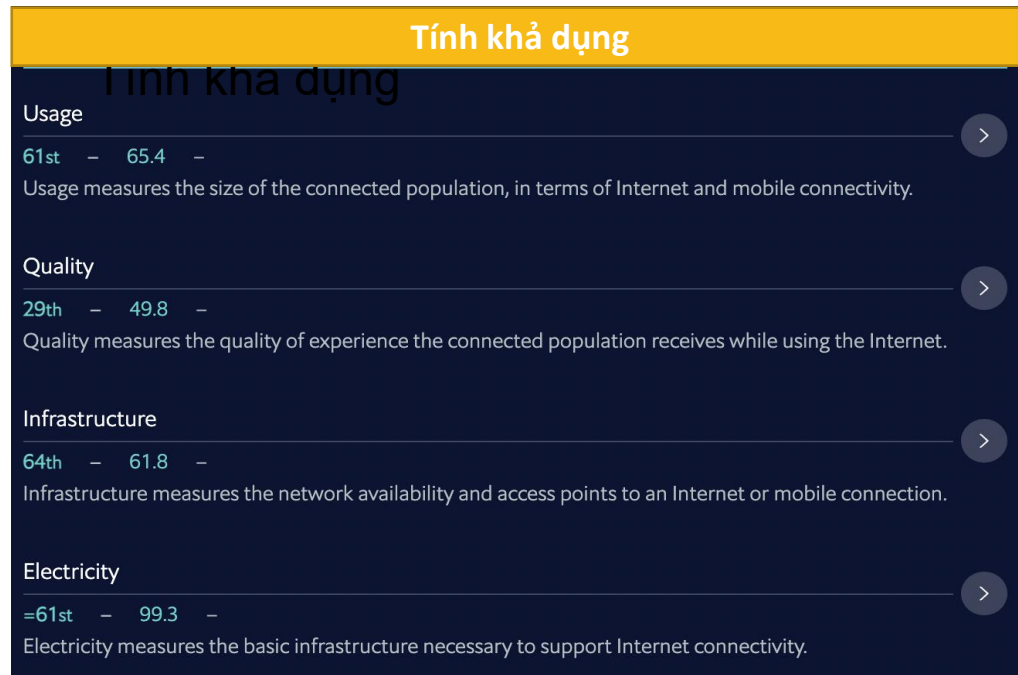
TIESEA PROJECT



1. Cơ sở hạ tầng

IF 1 (Điện thoại, kết nối Internet, Thống kê người dùng)

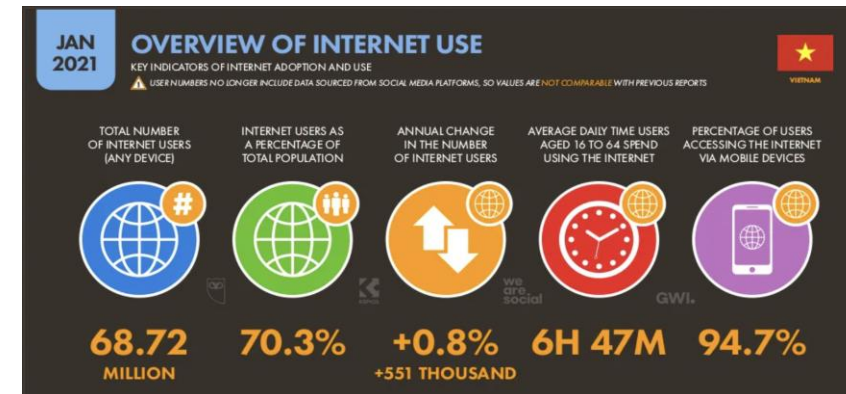
Chỉ số truy cập Internet của Việt Nam



Nguồn: The Inclusive Internet Index Simulator (2020)

Người dùng Internet ở Việt Nam

- 2010 – 2019: +45 triệu thuê bao Internet di động mới (46% dân số)
- Tháng 1/ 2011: 68.72 triệu người dùng Internet.
- 2020 – 2021: Lượng người dùng Internet ở Việt Nam tăng 551 nghìn người (+0.8%)
- Tỷ lệ truy cập Internet ở Việt Nam: 70.3% (Tháng 1/2021 – Kemp, 2021)



Tổng quan việc sử dụng Internet



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



From
the People of Japan

TIESEA PROJECT



Network Readiness Index

Rank: 62 (out of 134)

Score: 49.68

Pillar/sub-pillar	Rank	Score	Pillar/sub-pillar	Rank	Score
A. Technology pillar	57	42.51	C. Governance pillar	80	51.01
1st sub-pillar: Access	60	69.14	1st sub-pillar: Trust	54	47.31
2nd sub-pillar: Content	65	28.42	2nd sub-pillar: Regulation	98	54.26
3rd sub-pillar: Future Technologies	56	29.96	3rd sub-pillar: Inclusion	97	51.48
B. People pillar	82	41.63	D. Impact pillar	33	63.58
1st sub-pillar: Individuals	77	52.90	1st sub-pillar: Economy	19	50.50
2nd sub-pillar: Businesses	89	35.41	2nd sub-pillar: Quality of Life	38	73.43
3rd sub-pillar: Governments	87	36.58	3rd sub-pillar: SDG Contribution	66	66.80

Strongest indicators	Rank	Weakest indicators	Rank
e-commerce legislation	1	ICT skills	92
Freedom to make life choices	5	Professionals	94
High-tech exports	6	Labor productivity per employee	97
Fixed-broadband subscriptions	13	Regulatory quality	98
SDG 5: Gender Equality	18	SDG 7: Affordable and Clean Energy	101
Prevalence of gig economy	21	SDG 11: Sustainable Cities and Communities	102
SDG 4: Quality Education	23	Technicians and associate professionals	110
Government promotion of investment in emerging technologies	30	ICT regulatory environment	110
Use of virtual social networks	34	Rural gap in use of digital payments	111
Medium and high-tech industry	35	Socioeconomic gap in use of digital payments	118



Khả năng kết nối



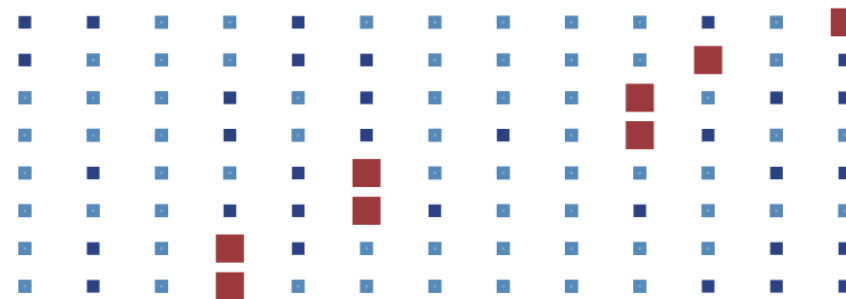
Kết quả mà Việt Nam đạt được chủ yếu dựa vào những cải thiện nhanh của các chỉ số kết nối.



Việt Nam đã có những bước tiến lớn trong việc phổ cập kết nối Internet (Tiệm cận 0% những năm 90 lên 64% dân số như hiện nay)

Connect

Phí băng thông rộng cố định hàng tháng
Thiết bị di động 500MB, trả trước, chi phí
Phí băng thông rộng cố định
Thuê bao di động
Vùng phủ sóng tối thiểu LTE / WiMAX
USB 1GB, trả sau, Tốc độ
Tốc độ băng thông cố định; Mbit/s
Chỉ số ứng dụng Kỹ thuật số



Xếp hạng chỉ số kết nối của Việt Nam



LEARNING



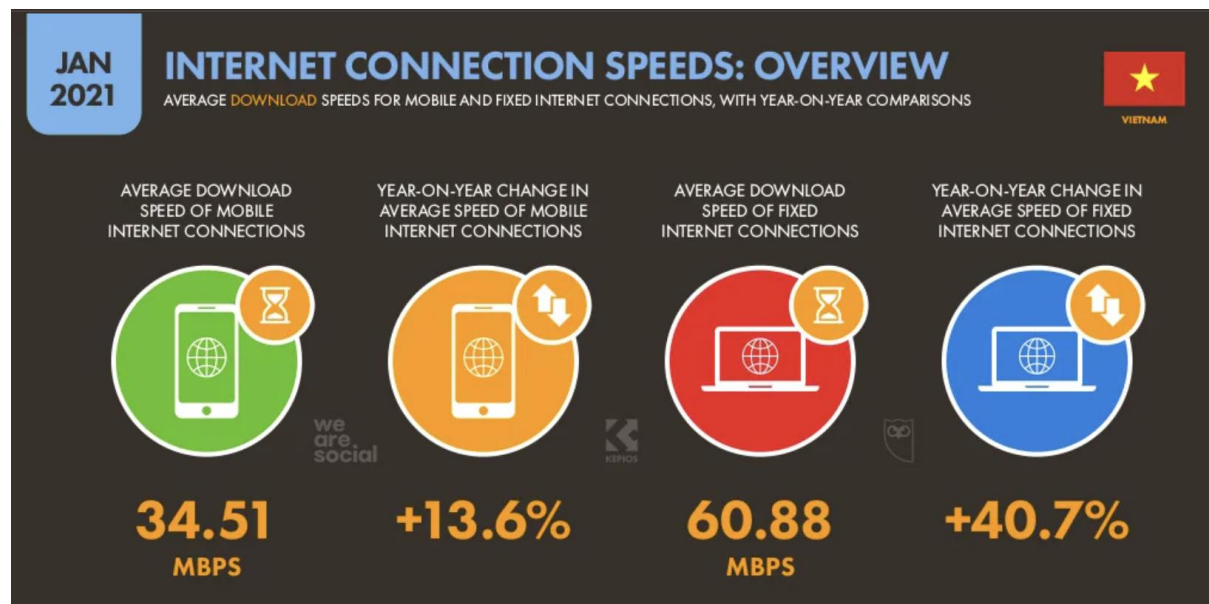
Japan
Fund for
Poverty
Reduction



TIESEA PROJECT



Cơ sở hạ tầng



Tốc độ kết nối Internet tại Việt Nam

Source: Kemp (2021)

Việt Nam cần cải thiện chất lượng và tốc độ của cơ sở hạ tầng internet. (World Bank, 2021).



Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên TG thử nghiệm 5G



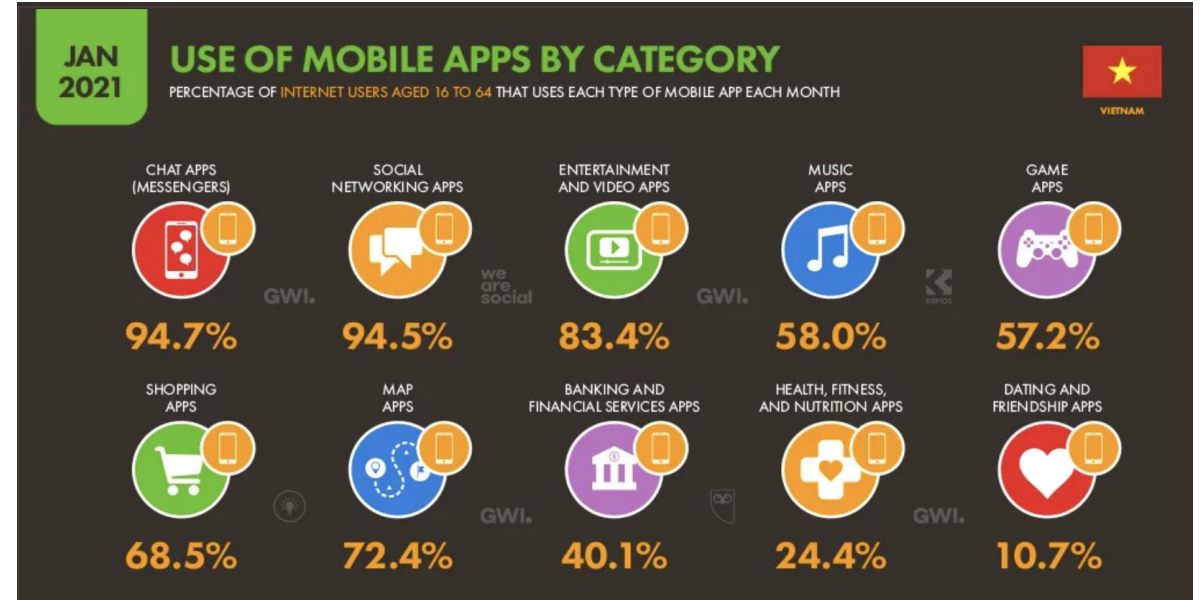
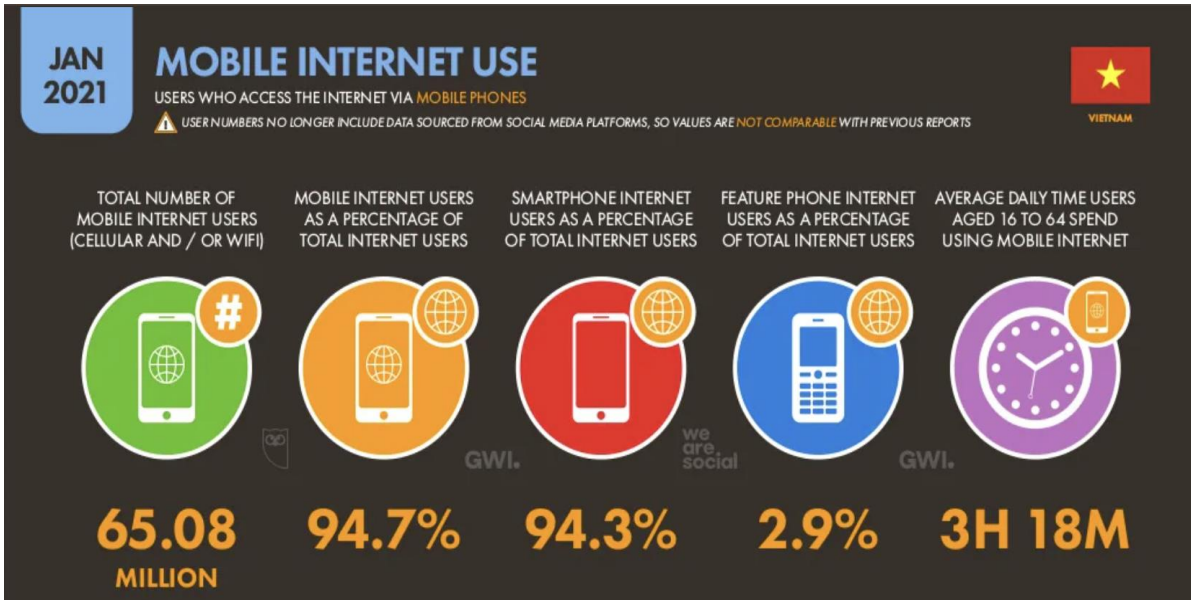
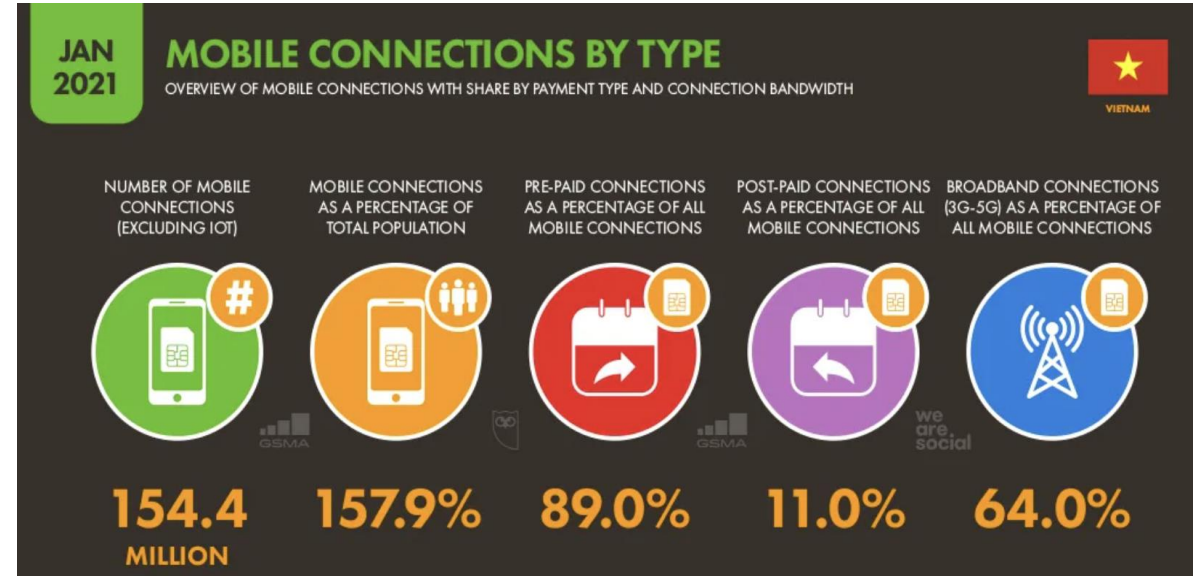
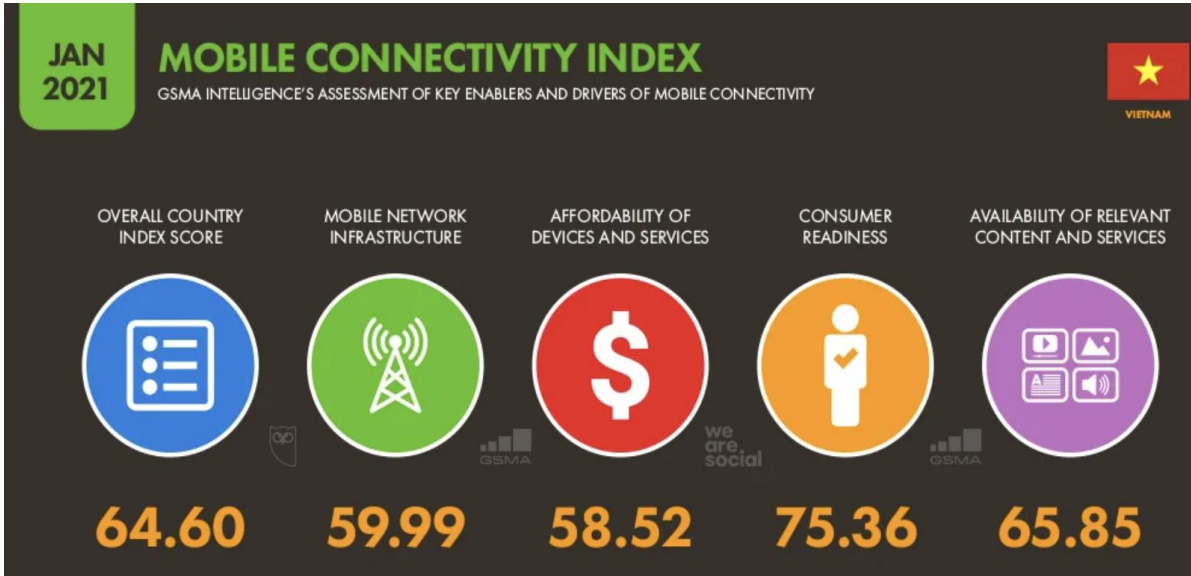
Cần mở rộng thêm mạng cáp quang băng thông rộng (Dione, 2020).



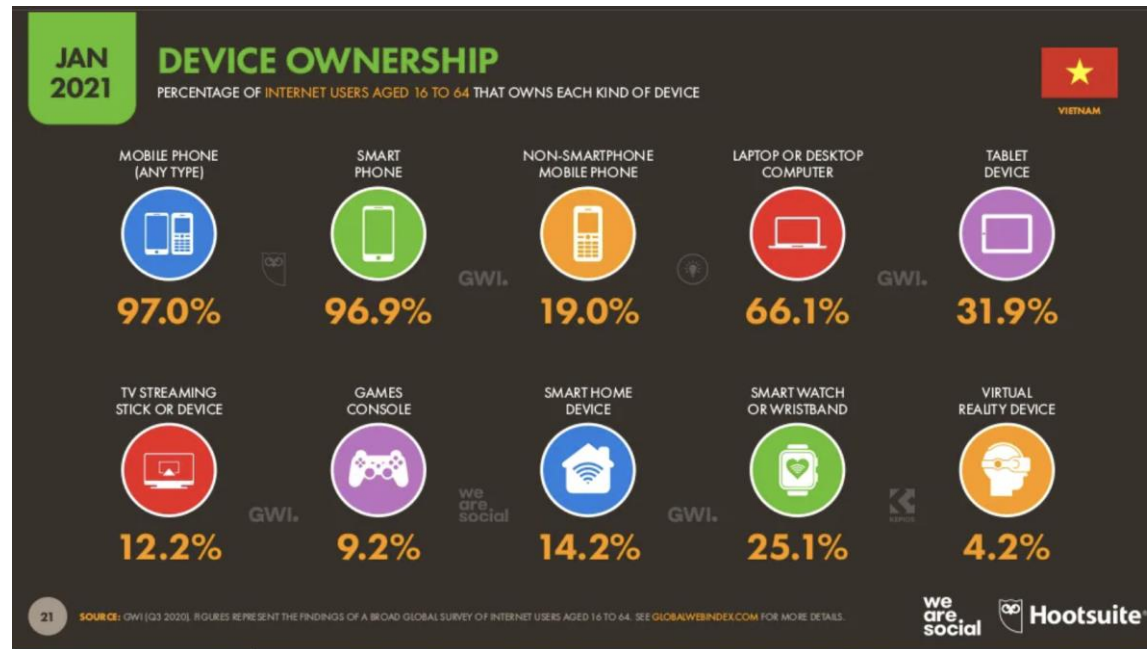
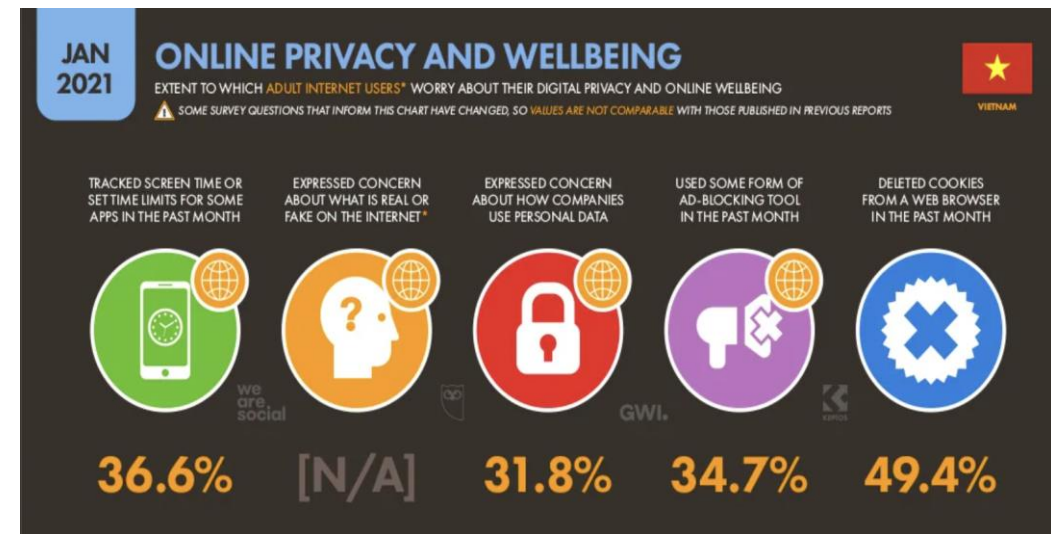
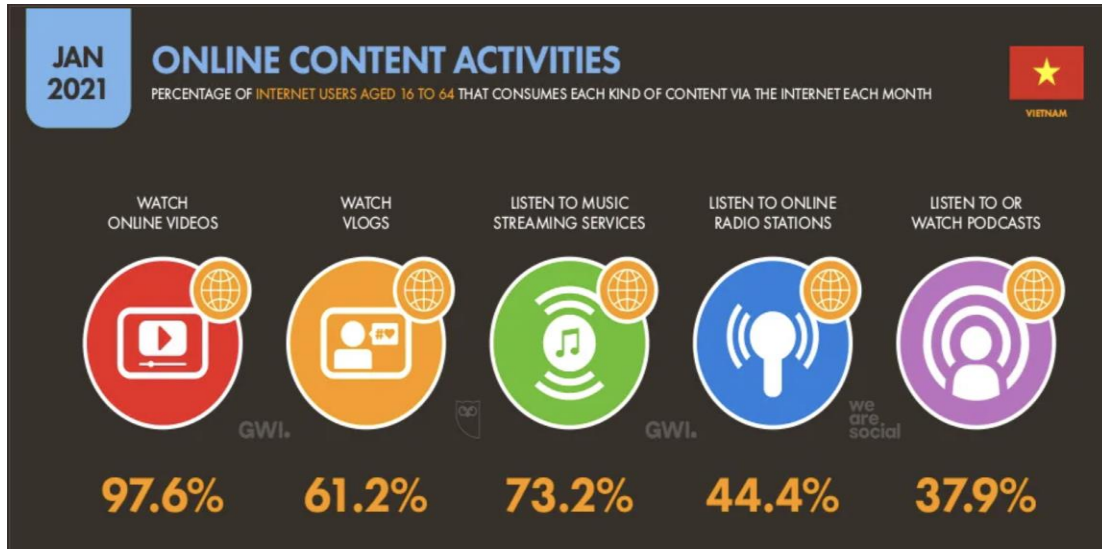
Khuyến khích cạnh tranh cùng với chuỗi băng thông rộng và tạo điều kiện chia sẻ cơ sở hạ tầng. (Dione, 2020)



Đối với mạng di động, tốc độ tải xuống là 34,51 Mbps (Nguyen, 2020)



Source: Kemp (2021)



Source: Kemp (2021)

IF3. Khả năng tiếp cận điện năng

Theo báo cáo của World Bank (2020): 99,4% dân số ở Việt Nam đã được sử dụng điện vào năm 2019.

IF4. TV/ Đài phát thanh

Phát sóng chương trình học: sự khác biệt về kỹ năng số, sự tương tác của học sinh với việc học trực tuyến, sự khác biệt giữa các khu vực.

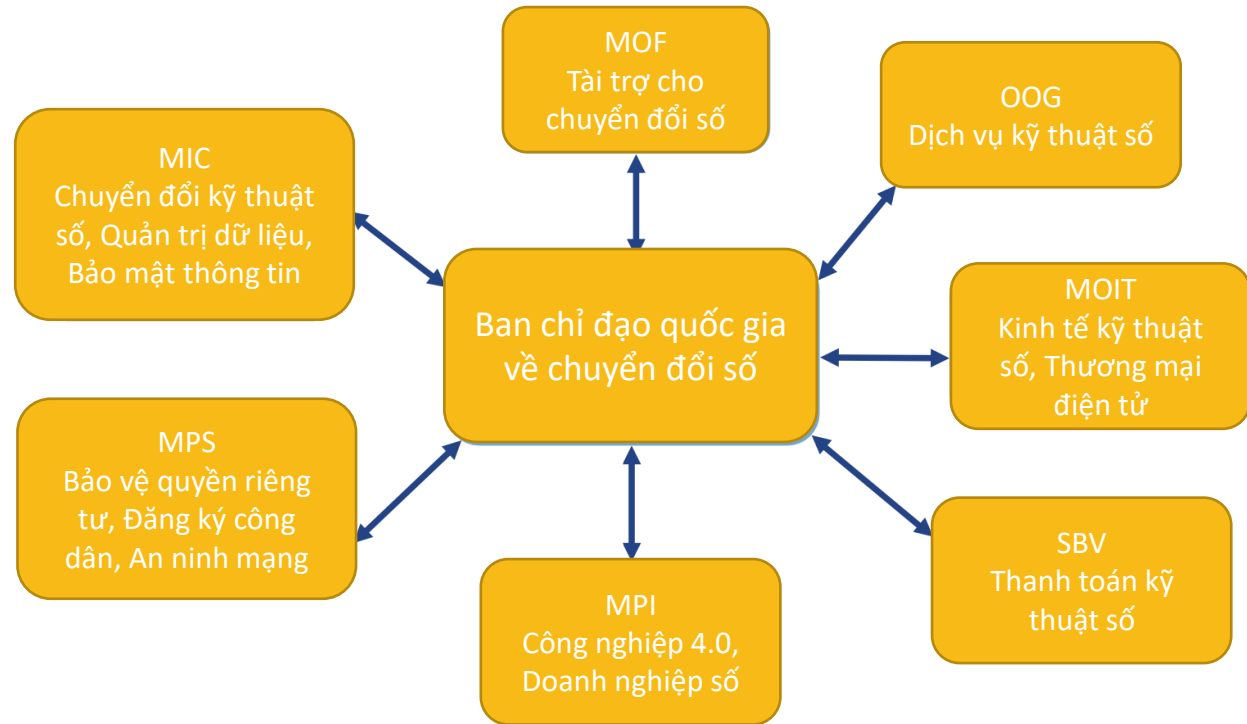
Vẫn còn những thách thức: nguồn lực hạn chế, động lực của giáo viên, đánh giá đào tạo từ xa và các hệ thống trường học khác nhau.



2. Chính phủ

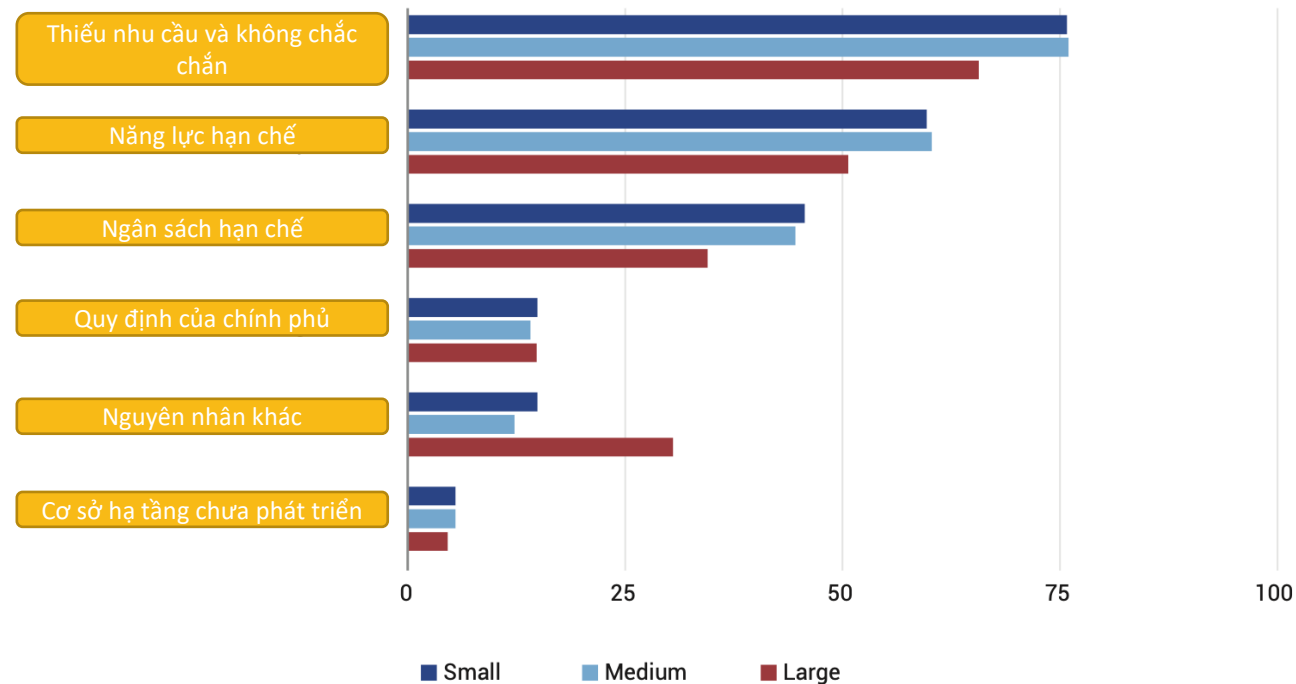
GO1. Chính sách / Kinh phí

*Bộ Giáo dục thúc đẩy
chuyển đổi số ở Việt Nam*



Note: MIC = Ministry of Information and Communications; MOF = Ministry of Finance; MOIT = Ministry of Industry and Trade; MPI = Ministry of Planning and Investment; MPS = Ministry of Public Security; OOG = Office of the Government; SBV = State Bank of Vietnam.

Các khó khăn trong việc áp dụng công nghệ ở Việt Nam



Source: World Bank (2021)

Các chính sách, dự án và tài trợ EdTech của Chính phủ

Chi tiêu cho giáo dục cao (khoảng 6% of GDP)

Chi tiêu giáo dục: gần 20% tổng chi ngân sách Nhà nước

Cam kết của Chính phủ Việt Nam đối với EdTech được thể hiện thông qua các chính sách, quy hoạch tổng thể và các sáng kiến quốc gia

Để hỗ trợ đầu tư cho các trường mẫu giáo và phổ thông, năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2018 / NĐ-CP



Việt Nam có sự khác biệt và đa dạng về hệ thống giáo dục

EdTech cần được quan tâm hơn nữa trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam

Có khác biệt giữa các quy định liên quan đến giáo dục và các quy trình thực tế do sự phát triển vượt bậc của EdTech tại Việt Nam

GO2 (Chương trình và nội dung)

IC3 - Chứng nhận kỹ năng số

- 455 trường học và hơn 800 trung tâm dạy nghề
- Sinh viên Việt Nam cần có kỹ năng để cạnh tranh trong thị trường lao động
- Nhu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy
- Chứng nhận Certiport Internet and Digital Literacy (IC3) – do IIG Việt nam đề xuất
- GDVT và IIG Việt Nam: nhiều chương trình thí điểm tại các trường dạy nghề và cao đẳng
 - Truy cập Internet
 - Bảng thông thấp.



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



TIESEA PROJECT



GO2 (Chương trình và nội dung học)

Các kết quả:

- 250 giảng viên được nhận chứng chỉ Nhà giáo đạt tiêu chuẩn IC3
- 11,000+ sinh viên từ 76+ trường dạy nghề và cao đẳng đã tham gia vào chương trình thí điểm
- Các trường dạy nghề và cao đẳng nhận thấy chương trình giảng dạy IC3 rất hữu ích cho sinh viên và tầm quan trọng của việc xây dựng lộ trình học tập hoàn chỉnh đối với sự tiến bộ của sinh viên. IC3 tạo ra một giải pháp hoàn chỉnh cho nhà trường và họ có kế hoạch đưa chứng chỉ này vào chương trình học chính khóa của mình (Certiport, 2017).



GO3 (Đo lường hiệu quả giáo dục)



- The EMIS – Hệ thống Thông tin Quản lý Giáo dục là giải pháp giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo nâng cao chất lượng và quản lý dữ liệu.
- Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý dữ liệu và thông tin đặc biệt là với các trường công lập.
- “Xây dựng hệ thống thông tin quản lý giáo dục đại học (HEMIS)” và “Cải thiện Hiệu quả Giáo dục Đại học ở Việt Nam”
- Bộ GD & ĐT đang có kế hoạch phê duyệt Thông tư số hóa quản lý cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo
- Tháng 12 năm 2021, Chương trình ETEP về “Ứng dụng CNTT trong quản lý dữ liệu trong các trường phổ thông” đã được triển khai cho hơn 300 giáo viên và cán bộ quản lý.



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



TIESEA PROJECT



Các văn bản luật

Nghị quyết số 29-NQ/TW

Đổi mới toàn diện trong giáo dục: tăng cường vai trò của công nghệ thông tin và Khoa học công nghệ.

T11, 2013

T9, 2015

Văn bản 4983/BGDĐT-CNTT

Hướng dẫn ứng dụng CNTT-TT

Văn bản số 4003/BGDĐT-CNTT

Tăng cường ứng dụng CNTT trong nội dung, phương pháp học tập và đánh giá cũng như giáo dục và quản lý nhà trường.

T10, 2020

T9, 2021

Văn bản số 4096/BGDĐT-CNTT

Thu thập và quản lý dữ liệu.



Japan
Fund for
Poverty
Reduction

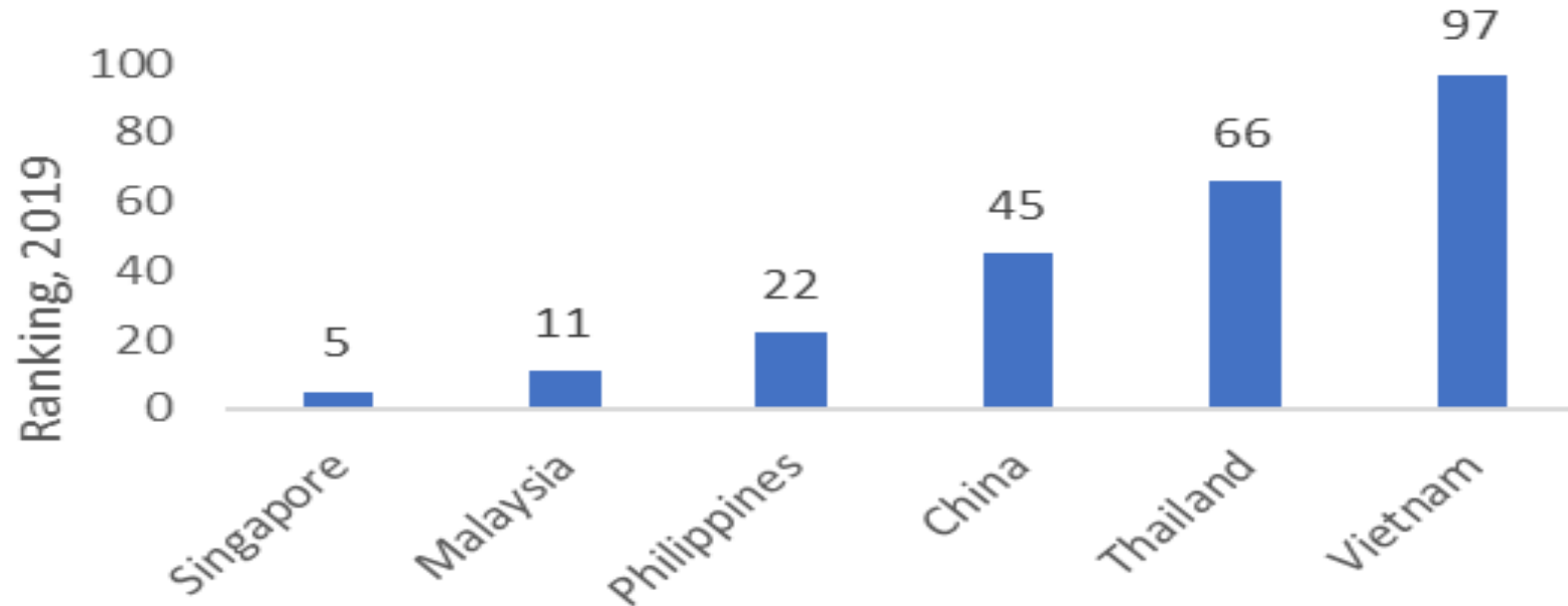


TIESEA PROJECT



GO4 (Đào tạo)

Việt Nam đứng cuối khu vực về kỹ năng số của lượng lao động

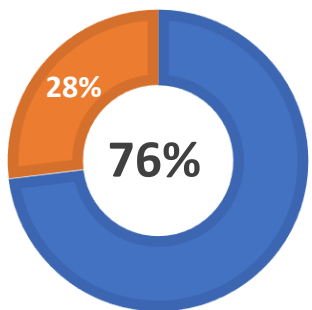


3. Trường học/ giáo viên

ST1 (Năng lực EdTech của giáo viên)

Trước Covid-19

- Đào tạo trực tuyến nhận được ít sự quan tâm
- Bộ GD & ĐT ban hành Thông tư số 21/2017 / TT-BGDĐT



Vinh, Le and others (2019)

- Bộ GD & ĐT khuyến khích nguồn nội dung E-learning
- Bộ GD & ĐT thúc đẩy hệ thống học tập điện tử

<http://elearning.moet.edu.vn>
<https://eitsc.edu.vn>

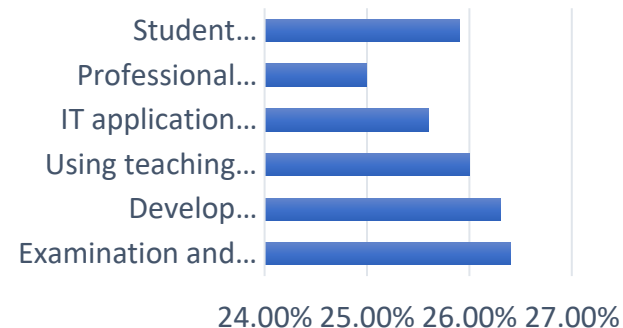
- Học trực tuyến trở thành một điều tất yếu
- Văn bản 4003 / BGDĐT-CNTT ngày 07/10/2020

Các mục tiêu chính về ứng dụng CNTT-TT

- CNTT trong quản lý và điều hành giáo dục
- ICT nhằm hỗ trợ đổi mới
- Bồi dưỡng kỹ năng CNTT / Kỹ thuật số
- Tăng cường cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

Trong thời kì đại dịch

Nội dung đào tạo của giáo viên



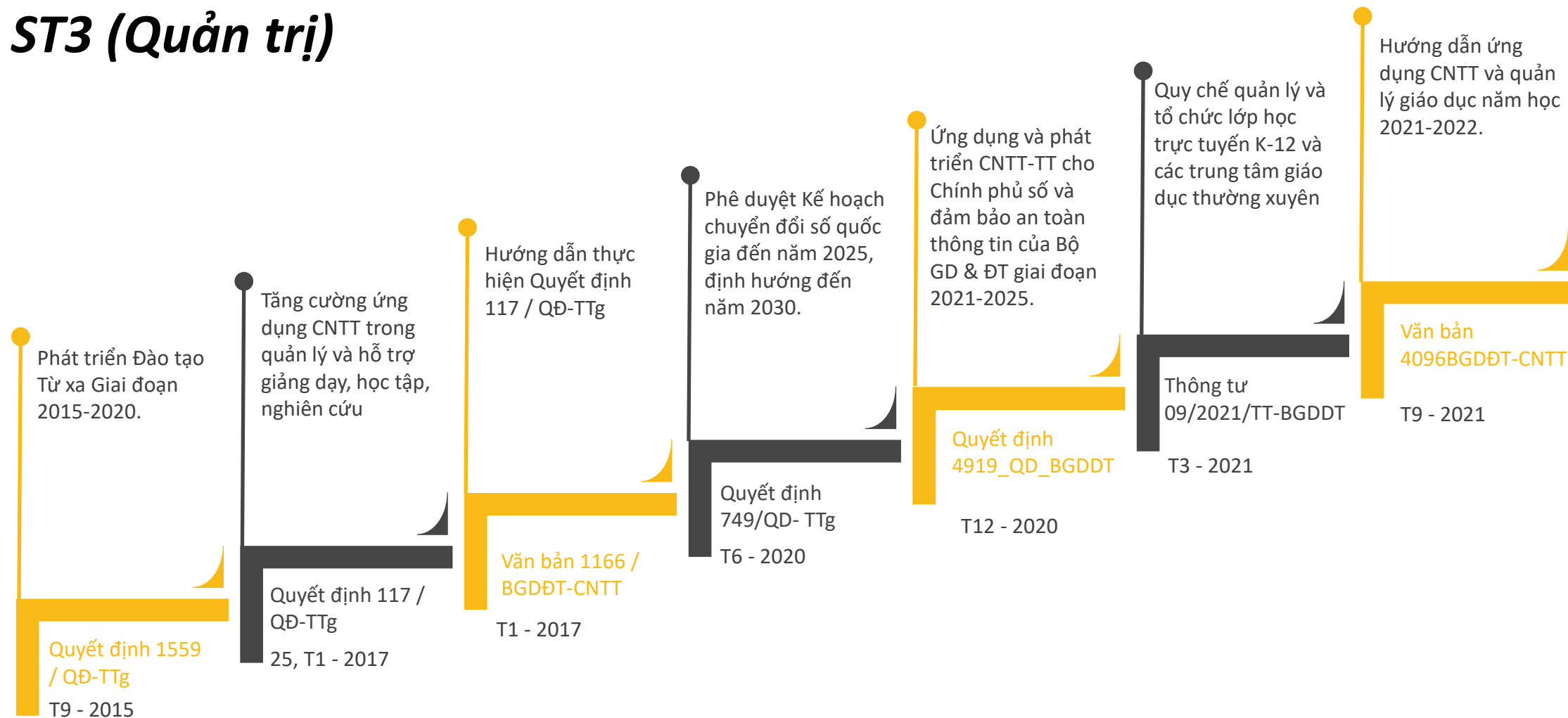
3. Trường học/ giáo viên

ST2 (Thiết bị và phần mềm)



3. Trường học/ giáo viên

ST3 (Quản trị)



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



TIESEA PROJECT



Learning Possibilities

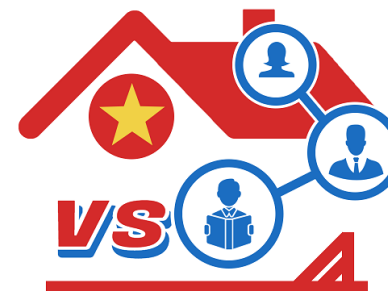
3. Trường học/ giáo viên

ST4 (Tiếp cận cộng đồng)

vnEdu



SMAS+
HỆ THỐNG QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG



Sổ liên lạc điện tử

enetviet
Mạng giáo dục Việt Nam



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



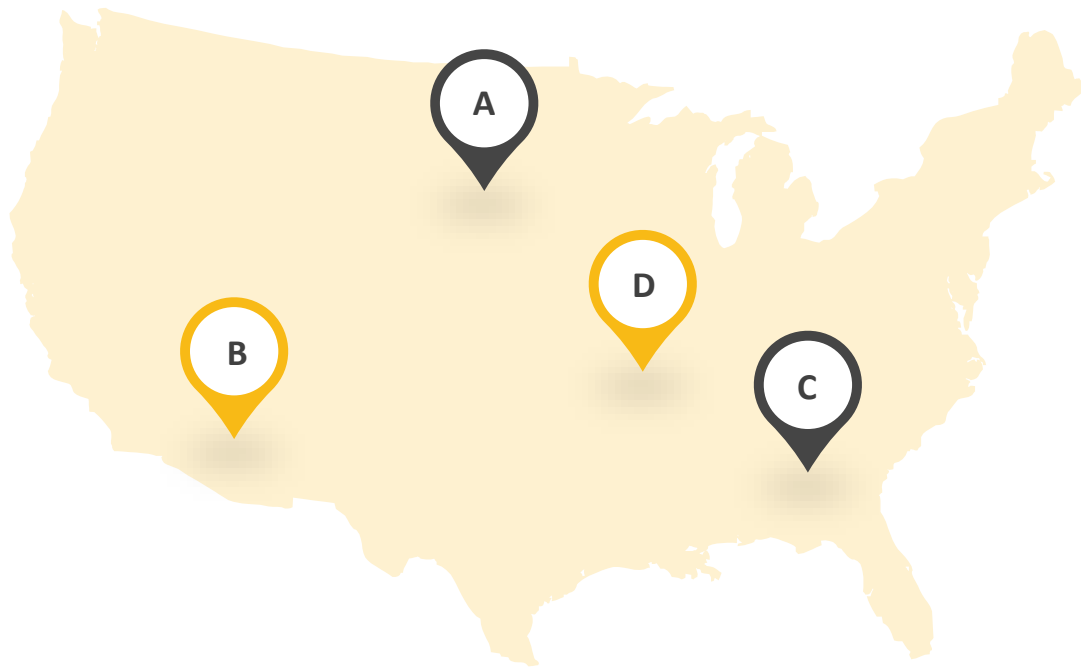
From
the People of Japan

TIESEA PROJECT

ibf Learning Possibilities
INTERNATIONAL CONSULTING

4. Học sinh/ phụ huynh

Sp1 (Kỹ năng số của người học)



Nhiều học sinh không có truy cập Internet, thiết bị và kỹ năng số đầy đủ, trong khi giáo viên phần lớn không quen với công nghệ mới và thiếu đào tạo để sử dụng hiệu quả các công cụ mới này.

(Tuoi Tre News, 2020)

Bảo vệ
trẻ em

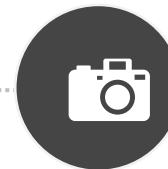
42 giáo viên và hơn 400 học sinh

Đối với giới trẻ: Kỹ năng số không đồng đều
(UNICEF Việt Nam, 2020).

68%
Trẻ em Việt Nam

Đối mặt với các rủi ro như bắt nạt, nghiện các trò chơi trực tuyến, gian lận và thực hiện hành vi tình dục trực tuyến khi sử dụng các nền tảng trực tuyến.

Khoảng cách giữa trẻ em ở thành thị và nông thôn ngày càng tăng.



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



From
the People of Japan

TIESEA PROJECT



4. Học sinh/ phụ huynh

Sp2 (Truy cập trực tuyến và các nội dung của chương trình học)

Khác biệt lớn về mức độ sẵn sàng, kỹ năng số, cơ sở vật chất, hạ tầng và học liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số đối với giáo dục mầm non
(Tuoi Tre News, 2020).



SP3 (Hỗ trợ cộng đồng)

Một số cộng đồng, nhóm và cả chính phủ đã khuyến khích quyền góp thiết bị cho trẻ em nghèo học trực tuyến.

“Kết nối Internet và Máy tính cho học sinh”— MoET 2021



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



TIESEA PROJECT



5. Nhà cung cấp – Các đối tác

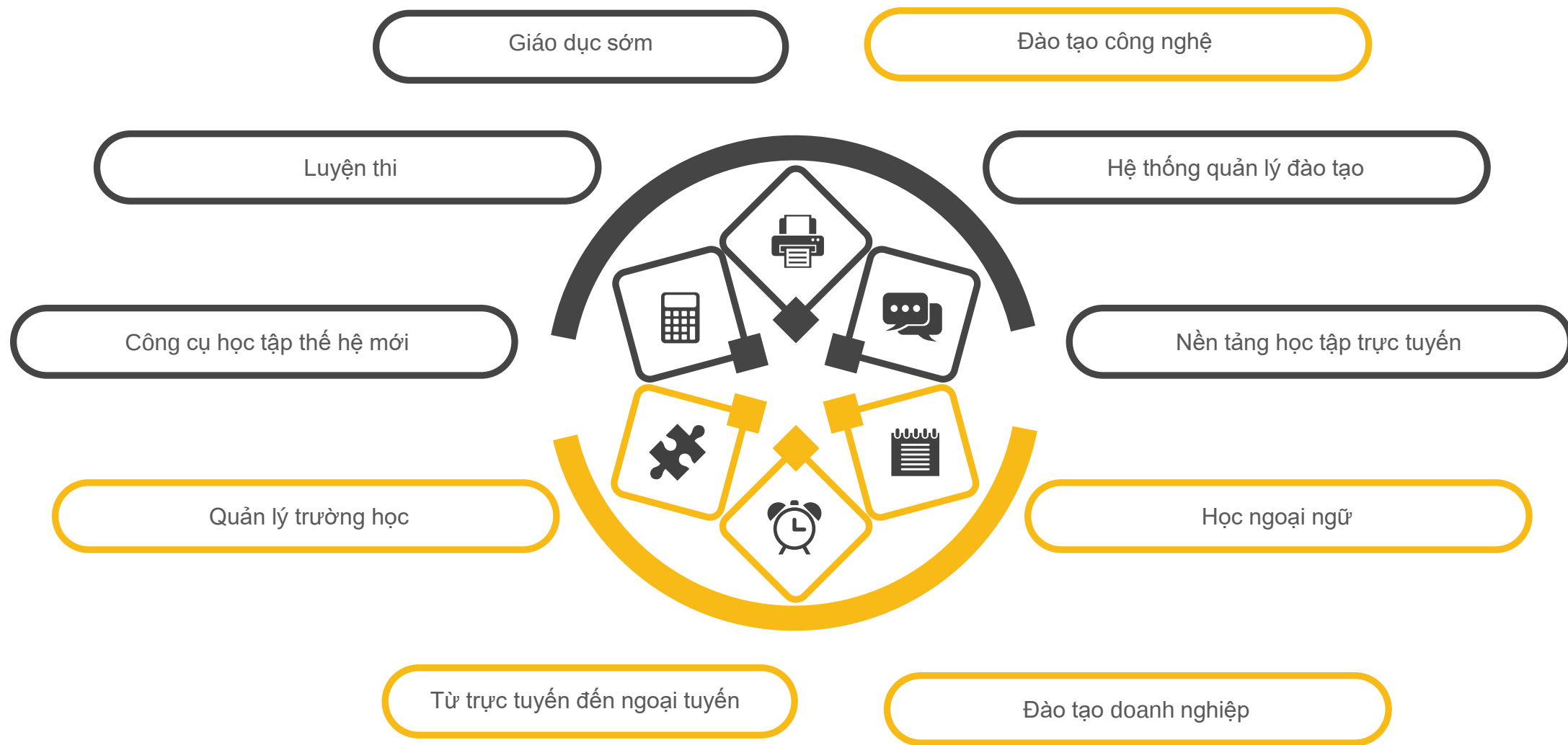
PR1 (Hệ thống học tập trực tuyến)



TIESEA PROJECT



Các phân khúc & sản phẩm EdTech



Các nhà cung cấp EdTech trên thị trường

Có khoảng 15 doanh nghiệp EdTech tại Việt Nam (2017) và hầu hết là doanh nghiệp khởi nghiệp và B2C

Việt Nam hiện có 27 nhà cung cấp EdTech với các sản phẩm dành cho K12
(EdTech in SouthEast Asia, 2020).



5. Nhà cung cấp – Các đối tác

PR2 (nội dung trực tuyến)

Nhu cầu học trực tuyến tăng cao

B2C đóng góp tỷ trọng cao nhất về doanh thu tại thị trường E-learning Việt Nam (2018)

Vấn đề về chất lượng giáo dục trực tuyến

PR3(tích hợp, đổi mới công nghệ)

Chuẩn bị thể hệ sinh viên cho thị trường lao động thế kỷ 21

Giáo dục STEM được kỳ vọng sẽ thu hút nhiều sự quan tâm hơn (Việt Nam, 2021).



PR4 (Đối tác, nhà tài trợ)

Kết nối Internet và Máy tính cho Sinh viên

Dự án kêu gọi tăng cường hỗ trợ cho sinh viên

Các dự án quốc gia

Xây dựng Khung năng lực quốc gia về đánh giá Chất lượng các Khóa học và Bằng cấp Giáo dục Đại học theo hình thức Kết hợp và Trực tuyến

Các dự án và hỗ trợ của UNICEF

Nâng cao năng lực cho giáo viên VET Việt Nam

Triển lãm DIT và các Nhà cung cấp Dịch vụ Giáo dục của Anh

Trường Quốc tế Việt Nam-Phần Lan



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



From
the People of Japan

TIESEA PROJECT



6. Triển vọng cho EdTech tại Việt Nam



- Việt Nam có nhiều tiềm năng để phát triển thị trường EdTech và do đó mang lại cơ hội cho các doanh nghiệp EdTech của Úc.
- Hệ thống giáo dục K-12 của Việt Nam có 15,8 triệu học sinh (2017)
- Chính phủ Việt Nam đã tiến hành các cải cách quan trọng đối với hệ thống giáo dục
- Giáo dục phổ thông (lớp 1-12) được cải cách đáng kể trên mọi lĩnh vực.
- Các cơ hội hợp tác tiềm năng cho các đối tác EdTech bao gồm:



Nội dung số



Sách giáo khoa điện tử



Đào tạo giáo viên



Sản phẩm đánh giá



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



From
the People of Japan

TIESEA PROJECT





THANK YOU



Japan
Fund for
Poverty
Reduction



TIESEA PROJECT



Learning Possibilities